TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/HS-ST
Ngày 13 tháng 02 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Sái Văn Trọng;

- Ông Nguyễn Công Tước.

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh ngày 11/3/1961, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu hành chính 7, phường N, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng H (đã chết) và bà Nguyễn Thị S (đã chết); chồng: Dương Đình T; con: 03 con; tiền sự: Không; tiền án: 03, tại bản án số 112/HSST ngày 22/12/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Thị B 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", án phí và tiền phạt là 20.050.000đ. Ngày 20/3/2003 được TAND tỉnh Vĩnh Phúc quyết định áp dụng thời hiệu không phải thi hành bản án này. Tháng 9/2016 được miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự; tại bản án số 12/HSST ngày 12/8/2005 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Nguyễn Thị B 24 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/8/2005), về tội "Đánh bạc", bị cáo chấp hành xong án phí dân sự ngày 19/5/2005; tại bản án số 48/HSST ngày 26/8/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Thị B 09 năm tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt 24 tháng tù của bản án số 12/HSST ngày 12/8/2005 của TAND huyện L, buộc Nguyễn Thị B phải chấp hành chung cho 02 bản án là 11 năm tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2017; nhân thân: Tại bản án hình sự số

27 ngày 29/5/1990 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H xử phạt Nguyễn Thị B 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản công dân, trị giá tài sản 500.000đ. Quá trình xác minh tại Tòa án nhân dân thành phố P (Tòa án nhân dân huyện G cũ) không tìm thấy hồ sơ thi hành án của Nguyễn Thị B; tại bản án hình sự số 99 ngày 21/8/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phạt Nguyễn Thị B 02 năm tù về tội mua bán phụ nữ. Ngày 5/9/1995, Nguyễn Thị B kháng cáo; tại bản án số 268 ngày 13/2/1996, Tòa án nhân dân tối cao xử hủy quyết định của án sơ thẩm của bị cáo; giao hồ sơ để cấp sơ thẩm tiến hành tố tụng lại từ giai đoạn điều tra. Quá trình xác minh tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ không tìm thấy thông tin thụ lý lại. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2019 cho đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phan Kim Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Quý, phường Đồng Tâm, thành phố K, tỉnh Vĩnh B (vắng mặt);

- Anh Đỗ Tràng C, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu hành chính 1, phường Q, thành phố K, tỉnh Vĩnh B (vắng mặt);

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Phường Đ, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 06/11/2019, Nguyễn Thị B đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Phan Kim Q hỏi mua 10 viên ma túy "ngựa" Methamphetamine với giá 600.000đ, B đồng ý và hẹn Q đến khu vực đường Nguyễn T, tổ dân phố K, phường L, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc để trao đổi, mua bán ma túy. Sau đó, B điều khiển xe đạp điện đến gặp một người nam giới tên là C, thường gọi là C "Vẹo" ở số 1, Phố C, phường Q , thành phố K, tỉnh Vĩnh B, mua 10 viên ma túy "ngựa" với giá 500.000đ, nhưng chưa trả tiền cho C. Sau khi mua được số ma túy trên, B điều khiển xe đạp điện đến điểm hẹn để bán ma túy cho Q. Tại đây, Q đưa cho B số tiền 600.000đ để mua ma túy, B cầm số tiền này cất vào túi áo khoác bên phải đang mặc, đồng thời lấy túi nilon chứa 10 viên ma túy ngựa để bán cho Q nhưng chưa kịp bán thì Tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố K phát hiện, bắt quả tang. Thấy lực lượng Công an, B vứt gói ma túy xuống mặt đường, cạnh vị trí B đang đứng. Tang vật thu giữ: Thu giữ tại mặt đất cạnh vị trí nơi B đứng 01 túi nilon bên trong có chứa 10 viên nén màu đỏ (B khai nhận đây là gói ma túy "ngựa" của B mang đi để bán cho Q nhưng chưa kịp bán thì bị tổ công tác phát hiện, bắt giữ), niêm phong ký hiệu A1; thu giữ trong túi áo khoác bên phải đang mặc của Nguyễn Thị B số tiền 600.000đ (B khai nhận đây là số tiền vừa bán ma túy cho Q mà có). Ngoài ra, thu giữ của Nguyễn Thị B 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia và 01 chiếc xe

đạp điện đã qua sử dụng; thu giữ của Phan Kim Q 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng.

Ngày 06/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã tiến hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở, đồ vật tài sản của Nguyễn Thị B tại khu hành chính 7, phường N, thành phố K, tỉnh Vĩnh B. Kết quả khám xét: không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Đối với người tên C bán 10 viên ma túy ngựa, với giá 500.000đ cho B ngày 06/11/2019, quá trình điều tra xác định là Đỗ Tràng C, sinh năm 1973, ở khu hành chính số 1, phường Q, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 06/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã tiến hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở, đồ vật tài sản của Đỗ Tràng C tại khu hành chính 1, phường Q, thành phố K, tỉnh Vĩnh B. Kết quả khám xét: Thu giữ trên mặt bàn trong phòng ở của Đỗ Tràng C 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổng hợp tự chế gồm 01 chai nhựa, trên nắp chai có 02 lỗ tròn nhỏ gắn ống hút nhựa để phục vụ điều tra.

Tại kết luận số 2376/KLGĐ ngày 11/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Bkết luận: "*10 (mười) viên nén màu đỏ của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Methamphetamine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,9914g (không phẩy chín chín một bốn gam, không kể bao bì). Khối lượng chất ma túy Methamphetamine có trong 0,9914g mẫu gửi giám định là 0,0806g (Không phẩy không tám không sáu gam)*".

Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm: 0,74973 gam mẫu và toàn bộ bao gói.

Về nguồn gốc số ma túy B mang đi để bán ngày 06/11/2019, B khai nhận: Sau khi thỏa thuận đồng ý bán 10 viên ma túy ngựa cho Phan Kim Q với giá 600.000đ, B mua của Đỗ Tràng C 10 viên ma túy "ngựa" với giá 500.000đ để đem bán cho Q kiếm lời, nhưng chưa trả tiền cho C.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKSND VY ngày 20/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Nguyễn Thị Bvề tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị B khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Kim Q, anh Đỗ Tràng C và người làm chứng anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên (bút lục 112-132).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 08 năm 06 tháng đến 9 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/11/2019; áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,74973 gam ma túy (Methamphetamine) và toàn bộ bao gói là mẫu vật hoàn lại sau giám định; tịch thu tiêu hủy 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm 01 chai nhựa và 02 ống hút nhựa thu giữ của Đỗ Tràng C; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 600.000đ thu giữ của Nguyễn Thị B; tịch thu để bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia, 01 xe đạp điện đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị B và 01 điện thoại Nokia đen trắng đã qua sử dụng của Phan Kim Q.

Bị cáo B không bào chữa, tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị B tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội cùng các tang vật đã thu giữ , các tài liệu, chứng cứ được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 06/11/2019, tại khu vực đường Nguyễn T, phường L, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Thị B đang thực hiện hành vi bán trái phép 01 gói ma túy Methamphetamine với giá 600.000đ cho Phan Kim Q, nhưng chưa bán cho Q thì bị lực lượng Công an phát hiện, lập biên bản quả tang. Tang vật thu giữ của B là 01 gói nilon bên trong chứa 10 viên nén màu đỏ, trọng lượng là 0,9914g, qua giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Methamphetamine, khối lượng Methamphetamine trong 0,9914g mẫu là 0,0806g.

Bị cáo B có tiền án về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" bị áp dụng tình tiết "Tái phạm nguy hiểm" theo Bản án số 48/2008 ngày 26/8/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh H. Bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp định khung hình phạt "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Nội dung điều luật quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

q) Tái phạm nguy hiểm".

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, làm tác hại cho chính bản thân của bị cáo cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo điểm q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 15 năm nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan trong vụ án:

Đối với Phan Kim Q là người thỏa thuận mua ma túy đá Methamphetamine của B để sử dụng cho nhu cầu nghiện hút của bản thân nhưng Q chưa mua được ma túy thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ. Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Q về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Q là đúng pháp luật.

Đối với Đỗ Tràng C, quá trình điều tra, C khai nhận: Ngày 06/11/2019, C bắt xe xuống thành phố P chơi, không có nhà, không giao dịch mua bán ma túy với ai. Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố K đã tiến hành đối chất giữa B và C, kết quả: C không thừa nhận ngày 06/11/2019 đã bán cho B 10 viên ma túy ngựa với giá 500.000đ. Ngoài lời khai của B, thì không có tài liệu nào chứng minh hành vi bán trái phép chất ma túy của C, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để xử lý đối với C là phù hợp và có căn cứ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Đối với 0,74973 gam ma túy (Methamphetamine) và toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy "Mẫu trả" là mẫu vật hoàn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm 01 chai nhựa và 02 ống hút nhựa thu giữ của Đỗ Tràng C không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 600.000đ thu giữ của Nguyễn Thị B, quá trình điều tra xác định số tiền trên do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia, 01 xe đạp điện thu giữ của Nguyễn Thị B, 01 điện thoại Nokia thu giữ của Phan Kim Q. Quá trình điều tra xác định B và Q dùng điện thoại trao đổi để mua bán ma túy, Bdùng xe đạp điện để đi bán ma túy, nên cần tịch thu bán phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia và 01 chiếc xe đạp điện thu giữ của B, 01 chiếc điện thoại di động Nokia thu giữ của Q .

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/11/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,74973 gam ma túy (Methamphetamine) và toàn bộ bao gói là mẫu vật hoàn lại sau giám định; tịch thu tiêu hủy 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm 01 chai nhựa và 02 ống hút nhựa của Đỗ Tràng C; tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 600.000đ của Nguyễn Thị B; tịch thu bán phát mại, sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia và 01 xe đạp điện (đều đã qua sử dụng) của Nguyễn Thị B; 01 điện thoại Nokia (đã qua sử dụng) của Phan Kim Q (Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/01/2020).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh B;
- VKSND thành phố K;
- VKSND tỉnh Vĩnh B;
- Công an thành phố K;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh B;
- Chi cục thi hành án K;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường